

Bản tin Phân tích kỹ thuật

27/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G9000 đóng cửa với tín hiệu tăng nhờ hoạt động tăng giá trở lại sau khi tiếp cận vùng 1.965 điểm. Dự báo hợp đồng có khả năng tiếp cận khu vực 2.000 điểm trong phiên 28/08. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh khu vực 1.980, mục tiêu là vùng 2.000 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.975 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.980 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.000 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.975 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Tiêu cực
VNSmall	Tích cực	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Trung tính



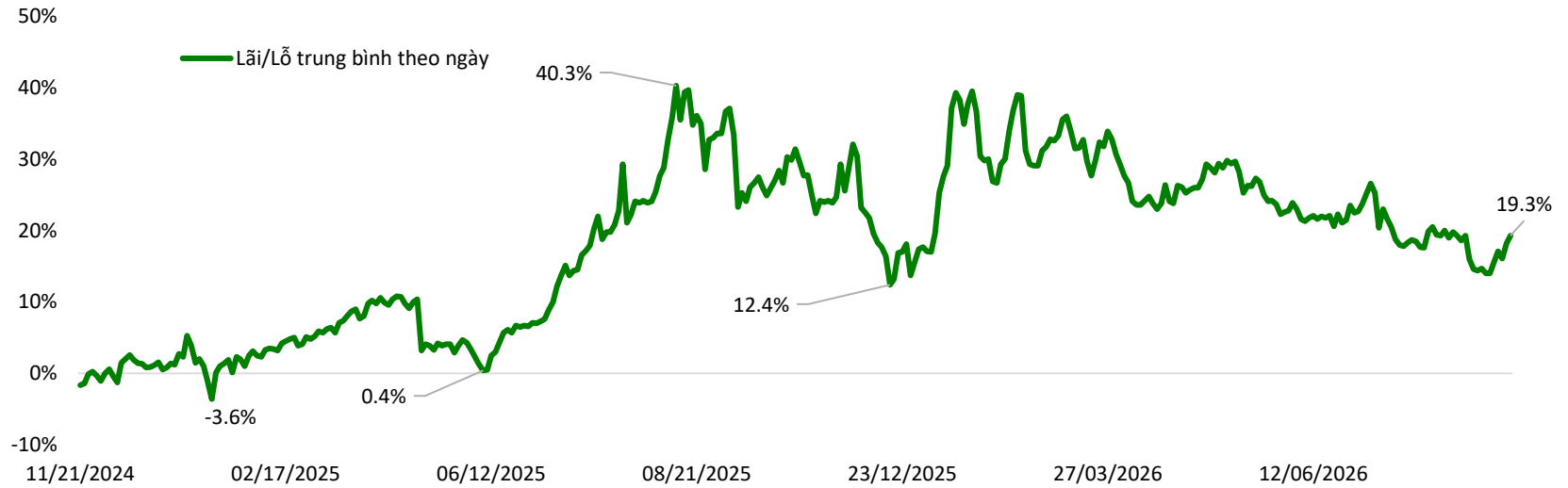
Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng điểm trên nền thanh khoản giảm, cho thấy lực mua bắt đầu thu hẹp và mang tính chọn lọc hơn. Dòng tiền tập trung cục bộ tại Ngân hàng, Bảo hiểm, Công nghiệp, Bất động sản và Vật liệu. Ở chiều ngược lại, phần lớn nhóm ngành chưa ghi nhận áp lực bán bất thường.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index giữ tín hiệu tăng với đà tăng ổn định, đồng thời không xuất hiện trạng thái bán mạnh trong phiên 27/08. Do đó, chỉ số có khả năng hướng lên vùng mục tiêu gần 1.840–1.850 điểm trong tuần này, trong khi hỗ trợ gần nằm tại khu vực 1.800–1.810 điểm.
- Đánh giá tác động từ các nhịp điều chỉnh sắp tới, chưa thể loại trừ khả năng xuất hiện hoạt động chốt lãi ngắn hạn trong phiên 28/08 trước kỳ nghỉ lễ, đặc biệt khi VN-Index tiếp cận vùng trên 1.840 điểm. Tuy nhiên, với cấu trúc tăng hiện tại và áp lực bán chưa có dấu hiệu bất thường, các nhịp điều chỉnh nếu xuất hiện nhiều khả năng sẽ được cân bằng quanh vùng hỗ trợ hoặc thu hẹp về cuối phiên.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	79,800	75,000	6.4%	72,000	85,000	75,000	
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,150	13,450	-2.2%	12,600	15,300		
MBB	13/08/2026		Đang mở	21,050	20,300	3.7%	19,800	22,000	20,300	
GAS	24/08/2026		Đang mở	84,300	82,000	2.8%	78,500	98,000	82,000	
SSI	24/08/2026		Đang mở	21,400	21,100	1.4%	19,300	23,000		
FPT	24/08/2026		Đang mở	72,200	71,400	1.1%	69,000	78,000		
MSN	24/08/2026		Đang mở	70,200	69,500	1.0%	67,700	75,000		
VIC	27/08/2026		Đang mở	236,000	227,900	3.6%	218,000	260,000		
VHM	27/08/2026		Đang mở	73,800	73,600	0.3%	70,600	80,500		
STB	27/08/2026		Đang mở	73,500	74,000	-0.7%	73,000	82,000		
VPB	27/08/2026		Đang mở	27,400	26,700	2.6%	25,900	28,500	26,700	

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	236,000	2.61%	16.83%	1,831,876	10.646	2,920	10.8	80.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	27,400	2.43%	10.04%	217,390	1.177	3,758	1.2	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCB	34,100	1.94%	10.00%	241,641	1.046	3,829	1.4	8.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCX	40,800	-2.28%	3.29%	113,198	-0.574	2,237	2.5	18.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACB	22,600	1.57%	2.96%	131,180	0.460	2,701	1.3	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
STB	73,500	-1.47%	-1.34%	138,563	-0.455	1,634	2.2	45.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	32,950	-1.35%	4.77%	131,800	-0.396	1,783	2.2	18.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BSR	26,500	-1.30%	-1.85%	132,693	-0.385	3,933	1.8	6.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	60,100	-0.33%	3.98%	502,176	-0.371	4,984	2.0	12.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VHM	73,800	0.27%	6.19%	606,254	0.367	9,718	2.3	7.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	22,200	0.68%	4.96%	187,434	0.284	2,750	1.3	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	36,400	-2.67%	-4.71%	46,250	-0.275	2,535	1.8	14.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPS	26,200	-3.14%	-14.94%	36,907	-0.258	836	2.1	31.4	Trung tính			
MSB	15,700	2.28%	-0.32%	48,984	0.249	1,888	1.1	8.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	43,350	-2.47%	6.77%	44,867	-0.247	2,066	2.1	21.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	78,400	0.51%	0.38%	70,543	0.297	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	63,800	10.00%	1.27%	3,190	0.262	2,718	3.2	23.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
NVB	12,200	0.83%	2.52%	35,681	0.242	143	2.5	85.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNP	21,300	9.79%	3.90%	3,003	0.241	1,567	1.3	13.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PTI	19,800	-9.17%	-5.26%	2,388	-0.180	2,212	0.9	9.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	39,100	-1.01%	5.68%	19,997	-0.166	4,118	1.3	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	136,000	0.37%	-1.45%	52,360	0.159	396	10.3	343.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	116,300	-0.43%	-0.09%	34,890	-0.123	11,736	5.3	9.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
DTK	10,900	-1.80%	0.00%	7,442	-0.110	1,245	0.8	8.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	13,400	-1.47%	15.52%	7,983	-0.096	322	1.3	41.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

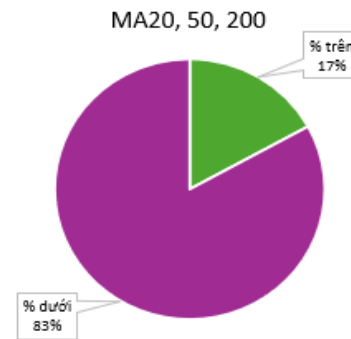
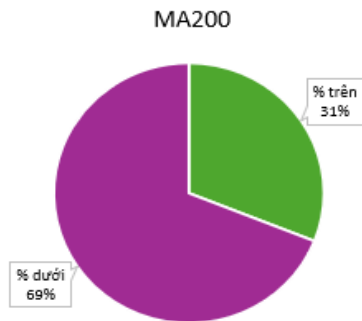
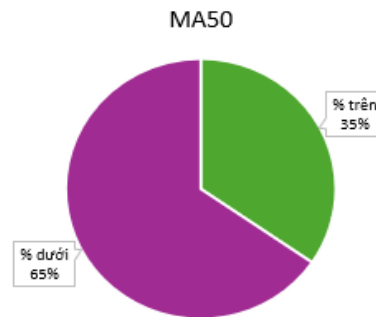
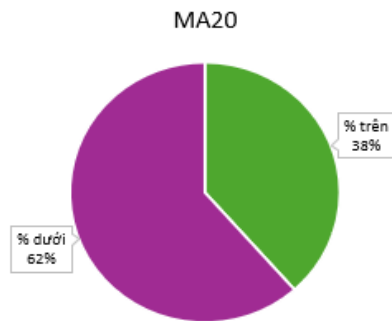
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	70,500	-2.76%	9.30%	84,583	-0.182	2,296	5.4	30.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	45,300	3.66%	5.35%	49,577	0.142	2,209	3.5	20.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	65,800	7.87%	2.81%	14,783	0.091	4,365	4.9	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	87,700	0.34%	0.46%	267,219	0.072	4,019	7.1	21.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIN	107,900	-5.35%	1.79%	9,941	-0.042	17,882	3.5	6.1	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	67,000	6.18%	8.77%	8,442	0.041	1,573	3.3	42.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	64,100	0.94%	-0.16%	47,185	0.035	4,936	3.7	12.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VUA	15,000	14.50%	12.78%	3,000	0.034	616	1.5	24.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PRT	8,800	-14.56%	-11.11%	2,640	-0.030	511	0.8	17.2	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	42,200	0.24%	3.18%	150,945	0.028	3,117	2.0	13.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	236,000	2.6%	1987.7	1083.9	62,050	230,500	10.8	80.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	88,000	1.1%	6.7	8.0	63,240	87,000	1.2	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
AGG	11,800	5.8%	10.3	3.4	10,950	20,350	0.5	3.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			27/08/2026	26/08/2026	25/08/2026	24/08/2026	21/08/2026	20/08/2026	19/08/2026	18/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	29%	28%	26%	28%	28%	26%	25%	25%
		Dưới	71%	72%	74%	72%	72%	74%	75%	75%
	MA50	Trên	41%	40%	36%	39%	34%	29%	28%	30%
		Dưới	59%	60%	64%	61%	66%	71%	72%	70%
	MA20	Trên	52%	53%	51%	62%	58%	41%	41%	46%
		Dưới	48%	47%	49%	38%	42%	59%	59%	54%
VN30	MA200	Trên	50%	47%	40%	40%	40%	37%	37%	37%
		Dưới	50%	53%	60%	60%	60%	63%	63%	63%
	MA50	Trên	77%	70%	60%	67%	63%	33%	30%	30%
		Dưới	23%	30%	40%	33%	37%	67%	70%	70%
	MA20	Trên	90%	90%	83%	90%	83%	53%	47%	59%
		Dưới	10%	10%	17%	10%	17%	47%	53%	41%
HNX	MA200	Trên	30%	28%	27%	29%	31%	29%	28%	29%
		Dưới	70%	72%	73%	71%	69%	71%	72%	71%
	MA50	Trên	34%	34%	31%	34%	36%	34%	31%	31%
		Dưới	66%	66%	69%	66%	64%	66%	69%	69%
	MA20	Trên	30%	28%	27%	29%	31%	29%	28%	29%
		Dưới	70%	72%	73%	71%	69%	71%	72%	71%
UPCOM	MA200	Trên	31%	32%	32%	33%	35%	33%	33%	34%
		Dưới	69%	68%	68%	67%	65%	67%	67%	66%
	MA50	Trên	33%	32%	33%	33%	34%	33%	32%	32%
		Dưới	67%	68%	67%	67%	66%	67%	68%	68%
	MA20	Trên	32%	32%	32%	32%	33%	34%	33%	33%
		Dưới	68%	68%	68%	68%	67%	66%	67%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 8																			Tháng 7	
		27	26	25	24	21	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	
↗	1 Bán lẻ	82	81	80	81	78	74	72	72	74	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	
↗	2 Tài nguyên Cơ bản	67	68	68	68	67	64	66	65	61	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	
	3 Hàng & Dịch vụ Cộn...	66	65	65	65	62	56	57	58	52	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	
	4 Dịch vụ tài chính	58	57	56	53	51	30	30	32	31	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	
	5 Dầu khí	58	59	58	59	49	41	39	36	29	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	
	6 Hóa chất	58	59	56	56	52	44	43	44	41	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	
	7 Thực phẩm và đồ uố...	58	58	58	57	54	50	49	49	48	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	
	8 Bất động sản	57	55	52	50	42	28	30	33	29	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	
	9 Ngân hàng	56	54	54	56	52	43	42	44	42	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	
!	10 Ô tô và phụ tùng	54	55	57	55	53	49	52	51	55	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	
	11 Hàng cá nhân & Gia ...	53	54	53	49	49	42	42	41	42	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	
↘	12 Điện, nước & xăng d...	52	55	56	58	57	55	56	55	53	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	
	13 Xây dựng và Vật liệu	51	51	50	51	49	42	45	47	44	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	
	14 Du lịch và Giải trí	45	44	40	43	37	36	35	36	35	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	
	15 Công nghệ Thông tin	44	45	43	42	41	28	26	30	28	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	236,000	2.6%	16.8%	1,831,876	10.8	80.8	2,920	1,987.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	73,800	0.3%	6.2%	606,254	2.3	7.6	9,718	340.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	34,100	1.9%	10.0%	241,641	1.4	8.9	3,829	1,111.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPB	27,400	2.4%	10.0%	217,390	1.2	7.3	3,758	814.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MBB	21,050	0.0%	3.7%	211,947	1.4	6.5	3,234	159.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	84,300	0.2%	1.0%	203,412	3.0	16.0	5,269	131.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,800	0.2%	3.5%	139,147	1.6	7.1	3,897	325.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	32,950	-1.3%	4.8%	131,800	2.2	18.5	1,783	67.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACB	22,600	1.6%	3.0%	131,180	1.3	8.4	2,701	167.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SSB	16,000	0.0%	6.0%	55,501	1.3	18.4	871	34.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	45,300	3.7%	5.3%	49,577	3.5	20.3	2,209	92.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	26,500	0.0%	5.6%	35,774	2.4	20.4	1,296	69.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	79,800	0.6%	3.6%	34,545	2.5	13.2	6,054	35.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	17,400	1.2%	2.4%	27,744	1.2	5.9	2,911	7.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	67,500	-0.4%	6.3%	21,603	4.0	54.0	1,250	140.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	39,100	-1.0%	5.7%	19,997	1.3	9.5	4,118	79.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	19,200	-2.0%	4.6%	17,813	1.0	16.0	1,198	47.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	23,200	0.0%	3.6%	9,935	1.8	36.8	631	11.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	43,100	2.0%	0.9%	9,532	2.6	11.4	3,785	63.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	36,250	0.0%	-0.8%	3,852	1.5	7.0	5,172	9.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POW	13,150	-1.1%	-1.9%	40,342	1.0	6.3	2,098	111.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	32,500	-0.3%	2.2%	13,567	2.0	6.3	5,201	23.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NT2	21,000	-0.5%	-1.2%	6,045	1.2	4.8	4,359	15.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KSF	78,400	0.5%	0.4%	70,543	3.3	4.6	17,023	10.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	65,000	0.0%	0.0%	41,632	5.2	11.7	5,561	59.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	45,800	-0.3%	0.4%	28,552	1.3	10.8	4,238	9.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NAB	11,550	-0.9%	0.0%	24,934	1.0	5.1	2,262	12.7	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	52,300	-0.8%	-0.4%	10,954	1.2	8.1	6,457	9.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EVF	12,450	-0.8%	1.2%	9,469	0.9	9.8	1,273	10.1	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BVB	11,950	-0.4%	0.4%	7,658	1.0	9.8	1,216	9.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	34,300	0.4%	-1.9%	7,425	3.2	276.9	124	8.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	29,550	-1.5%	1.9%	3,504	1.2	8.6	3,441	8.7	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSB	13,650	-1.1%	1.1%	1,562	0.5	7.6	1,795	5.7	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
LPB	49,400	-0.4%	-1.2%	147,572	3.4	13.1	3,780	91.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	63,800	1.3%	-4.2%	47,360	1.8	14.3	4,472	17.3	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVL	13,150	-0.8%	1.2%	31,587	0.7	7.1	1,849	76.5	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMP	144,000	-0.1%	0.3%	11,788	4.1	9.2	15,674	11.5	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,000	-0.8%	-1.0%	16,411	1.4	6.3	4,939	31.9	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
IJC	7,390	-1.5%	2.9%	4,653	0.6	6.2	1,193	8.5	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
ANV	17,250	-1.4%	3.3%	4,593	1.2	5.3	3,248	6.8	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,500	0.00%	2.29%	25,500	200.0%	(337)	0.8	-25.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	18,400	0.00%	7.29%	42,600	131.5%	1,565	1.1	11.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	24,400	-0.41%	4.05%	45,800	86.9%	1,407	1.0	17.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	75,900	0.53%	4.40%	140,000	85.4%	6,665	3.1	11.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	16,500	-0.30%	4.76%	28,700	73.4%	1,803	1.0	9.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDC	12,300	-0.40%	6.03%	21,400	73.3%	2,909	1.0	4.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	14,250	5.17%	6.34%	23,100	70.5%	1,983	0.7	7.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	31,000	-0.80%	-0.96%	51,000	63.2%	4,939	1.4	6.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DPG	29,550	-1.50%	1.90%	48,900	63.0%	3,441	1.2	8.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	32,050	0.16%	0.16%	52,000	62.5%	5,856	0.9	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,700	-1.21%	0.37%	66,800	62.1%	3,174	2.2	12.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
F88	65,800	7.87%	2.81%	98,000	60.7%	4,365	4.9	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	20,100	-0.99%	0.00%	31,900	57.1%	1,738	1.1	11.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	32,500	-0.31%	2.20%	51,200	57.1%	5,201	2.0	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	31,900	0.16%	1.59%	50,000	57.0%	5,172	1.3	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GEX	26,150	-0.19%	6.52%	40,500	54.6%	1,049	1.7	24.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	39,100	-1.01%	5.68%	58,800	48.9%	4,118	1.3	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	21,050	0.00%	3.69%	31,300	48.7%	3,234	1.4	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	22,200	0.68%	4.96%	32,700	48.3%	2,750	1.3	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	70,200	0.14%	3.08%	101,200	44.4%	4,634	2.6	15.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn